

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cát Thành, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BIÊN BẢN

KIỂM TRA TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC AN TOÀN, PHÒNG, CHỐNG TAI NẠN
THƯƠNG TÍCH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023)

Trưởng: *Tiến? Khế? Trà? Đào.....*, xã: Cát Thành, tỉnh: Ninh Bình

| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
|----|---|----------------------------|-------------------|
| A | Cơ sở vật chất, thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học | | |
| I | Địa điểm, quy mô, khối phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật | | |
| 1 | Khuôn viên nhà trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ; cổng trường, tường, rào bảo đảm kiên cố, có biển tên và đồng hồ mở theo giờ quy định. | Đ | |
| 2 | Địa điểm, diện tích, các khối phòng, khối phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đạt mức tiêu chuẩn tối thiểu về cơ sở vật chất theo quy định. Sân chơi bằng phẳng, không trơn trượt. Nhà tập luyện đa năng (nếu có), khu tập luyện thể thao ngoài trời không ảnh hưởng đến hoạt động của khu vực phòng học. Có lối đi riêng dành cho người học khuyết tật vận động (nếu trường có người học khuyết tật vận động). | Đ | |
| II | Phòng học | | |
| 3 | Chắc chắn, thoáng mát, sạch sẽ, đủ ánh sáng. | Đ | |
| 4 | Bàn, ghế của người học bảo đảm theo tiêu chuẩn quy định. Hệ thống cửa chắc chắn, có móc và được cố định khi cửa mở; cửa sổ có chấn song chắc chắn, an toàn. | Đ | |
| 5 | Hệ thống điện, các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập trong phòng học và các thiết bị khác (quạt điện, máy chiếu, tivi, amply, điều hòa...) được lắp đặt ở vị trí phù hợp, an toàn. | Đ | |

NỘI DUNG TIÊU CHÍ

| TT | | DANH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
|------------|--|----------------------------|---------------------------------|
| III | Hiện chơi, lan can, cầu thang | | |
| <u>6</u> | Hiện chơi, lan can, cầu thang theo đúng tiêu chuẩn quy định; không để bàn ghế và đồ dùng ở khu vực hiện chơi, lan can. Thang máy, thang vận chuyển thực phẩm (nếu có) có cửa, khóa bảo đảm an toàn. | Đ | |
| IV | Nhà bếp, nhà ăn, căng tin (nếu có) | | |
| <u>7</u> | Độc lập với khói phòng chức năng, phòng học và có thiết bị chữa cháy bảo đảm hoạt động tốt. | Đ | |
| <u>8</u> | Bảo đảm theo quy trình bếp một chiều, lưu thông không khí. Đủ ánh sáng, thoáng và khô ráo (không bị ẩm thấp, ứ đọng nước), có tủ lưu giữ mẫu thức ăn theo quy định. Có nội quy khu bếp, có bảng công khai tài chính và thực đơn hàng ngày được gắn ở vị trí dễ quan sát. | ✓ | K ^o c ^o ✓ |
| <u>9</u> | Trang thiết bị, đồ dùng phục vụ ăn uống làm bằng chất liệu an toàn, được vệ sinh sạch sẽ. Có thùng phân loại rác và có nắp đậy; quy trình xử lý chất thải đúng quy định. Hệ thống bếp đun, bình gas, dây điện, ổ điện được bảo đảm tiêu chuẩn an toàn. | Đ | |
| V | Nhà vệ sinh | | |
| <u>10</u> | Nhà vệ sinh cho người học, cán bộ, giáo viên, nhân viên được thiết kế thông thoáng và bố trí riêng biệt cho nam và nữ; nền nhà vệ sinh khô ráo, sạch sẽ, chống trơn trượt, có hệ thống cấp thoát nước hoạt động liên tục. | Đ | |
| <u>11</u> | Thiết bị vệ sinh phù hợp, dễ sử dụng. Có thiết bị vệ sinh dành cho người học khuyết tật (nếu trường có người học khuyết tật). | Đ | |
| VI | Nước sạch, cảnh quan, vệ sinh môi trường | | |
| <u>12</u> | Hệ thống nước uống, nước nấu ăn bảo đảm chất lượng và được kiểm định chất lượng theo quy định. | Đ | |
| <u>13</u> | Hệ thống cây xanh phù hợp cảnh quan, tạo bóng mát; cây to, cây cổ thụ được gia cố, chắt, tía bảo đảm an toàn. Bồn hoa, bồn cây không có góc cạnh sắc nhọn; chậu hoa, cây cảnh đặt ở vị trí an toàn, chắc chắn; không trồng cây có nguy cơ gây độc, gai sắc. | Đ | |
| <u>14</u> | Hệ thống ao, hồ, bể bơi trong nhà trường (nếu có) phải được rào chắn và có biển cảnh báo nguy hiểm. | Đ | |
| VII | Thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học | | |

NỘI DUNG TIÊU CHÍ

| TT | DANH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
|-----------|---|-------------------|
| <u>15</u> | Đ | |
| | Thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý người học; không chứa nội dung kích động bạo lực, kì thị giới tính, tôn giáo, trái thuần phong mỹ tục. | |
| <u>16</u> | Đ | |
| | Thiết bị thực hành, thí nghiệm và dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao, trò chơi được bảo đảm an toàn, chắc chắn, loại bỏ nguy cơ gây tai nạn khi sử dụng. | |
| 17 | ✓ | |
| | Có đồ dùng, trang thiết bị, học liệu chuyên dụng hoặc được điều chỉnh phù hợp với người học khuyết tật, người học có nhu cầu đặc biệt. | |
| B | | |
| | An ninh, trật tự trường học, phòng, chống bạo lực học đường, tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ người học trên môi trường mạng | |
| <u>18</u> | Đ | |
| | Có kế hoạch, phương án phối hợp, thực hiện bảo đảm an ninh trật tự và ứng phó ngăn chặn tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường. | |
| <u>19</u> | Đ | |
| | Công khai kế hoạch phòng, chống bạo lực học đường và các kênh tiếp nhận thông tin, tố giác về bạo lực học đường. Triển khai công tác truyền thông, giáo dục và cập nhật thông tin thường xuyên trên hệ thống phòng ngừa bạo lực học đường thuộc cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. | |
| <u>20</u> | Đ | |
| | Không để xảy ra vi phạm quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, phòng, chống bạo lực học đường, tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhà trường. | |
| 21 | Đ | |
| | Tổ chức hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn và ứng xử văn hóa trên môi trường mạng cho người học. | |
| C | | |
| | Phòng, chống đuối nước, tai nạn giao thông và các loại hình tai nạn thương tích khác | |
| <u>22</u> | Đ | |
| | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục về phòng, chống đuối nước, kỹ năng an toàn trong môi trường nước phù hợp với thực tiễn tại địa phương và nhà trường. | |
| 23 | Đ | |
| | Có tổ chức dạy bơi cho người học trong nhà trường hoặc phối hợp tổ chức dạy bơi, kỹ năng phòng, chống đuối nước ở ngoài nhà trường. Đảm bảo các điều kiện an toàn khi tổ chức hoạt động dạy bơi trong nhà trường theo quy định (nếu nhà trường có tổ chức dạy bơi). | |
| 24 | Đ | |
| | Phối hợp với gia đình, địa phương kí cam kết không để xảy ra vụ việc người học rủ nhau đi tắm, bơi, vui chơi mất an toàn dẫn đến tai nạn đuối nước ở trong và ngoài nhà trường. | |
| <u>25</u> | Đ | |
| | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục về an toàn giao thông, văn hóa giao thông. Tổ chức giao thông, điểm trông giữ xe trong nhà trường đảm bảo an toàn, không ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục, rèn luyện của học sinh. | |

NỘI DUNG TIÊU CHÍ

| TT | | ĐÁNH GIÁ (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
|-----------|---|----------------------------|-------------------|
| 26 | Phối hợp với gia đình, địa phương kí cam kết không để xảy ra tình trạng người học vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông ở trong và ngoài nhà trường. | Đ | |
| 27 | Có biện pháp và chủ động phối hợp với cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại khu vực cổng trường, trên xe đưa đón học sinh. | Đ | |
| 28 | Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ quan, trường học, ký túc xá. | Đ | |
| 29 | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục về phòng cháy, chữa cháy phù hợp với thực tiễn tại địa phương và nhà trường. | Đ | |
| 30 | Có tổ chức truyền thông, giáo dục cho người học và xây dựng phương án ứng phó, thực hành diễn tập đối với các tình huống cháy nổ, thiên tai, thời tiết khắc nghiệt và các loại hình thương tích thường xảy ra tại địa phương, nhà trường. | Đ | |
| 31 | Không để xảy ra các vụ việc tai nạn thương tích (đuối nước, tai nạn giao thông, cháy nổ, điện giật, rơi, ngã, va đập, cây đổ, tường đổ...) gây hậu quả nghiêm trọng trong phạm vi nhà trường. | Đ | |
| D | Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người học | | |
| I | Y tế trường học | | |
| 32 | Có phòng y tế bố trí ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ/cấp cứu ban đầu theo quy định. | Đ | |
| 33 | Có đủ danh mục thuốc, thiết bị y tế thiết yếu theo quy định; có dụng cụ sơ cấp cứu và vật phẩm, trang thiết bị phòng chống dịch bệnh. | Đ | |
| 34 | Có kiểm tra sức khỏe, hệ thống sổ sách ghi chép, theo dõi tình trạng sức khỏe, bệnh, tật học đường đối với người học và cập nhật thông tin hiện trạng sức khỏe của học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. | Đ | |
| 35 | Có nhân viên y tế chuyên trách hoặc người kiêm nhiệm, được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. | Đ | |
| 36 | Có kế hoạch phối hợp với y tế cơ sở trong công tác y tế trường học và tài liệu, tổ chức truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người học. Không để dịch, bệnh lây lan trên diện rộng trong phạm vi nhà trường. | Đ | |
| II | An toàn thực phẩm, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia | | |

NỘI DUNG TIÊU CHÍ

| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ | |
|----------|---|----------------|------------------------------------|
| | | (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO Chưa đạt |
| 37 | Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định về an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm khi tổ chức bữa ăn, dịch vụ căng tin trong nhà trường hoặc trong các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường do nhà trường tổ chức. | Đ | |
| 38 | Có tài liệu và tổ chức truyền thông, giáo dục phòng chống tác hại của thuốc lá, các sản phẩm thuốc lá mới, rượu, bia và các chất gây nghiện khác. | Đ | |
| 39 | Không bán và quảng cáo, tiếp thị thuốc lá, rượu, bia, thực phẩm có hại cho sức khỏe, đồ chơi mang tính bạo lực, không rõ nguồn gốc trong khuôn viên nhà trường. | Đ | |
| Đ | Thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ trong nhà trường; giáo dục sức khỏe tâm thần và tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho người học | | |
| 40 | Ban hành và tổ chức thực hiện tốt Quy tắc ứng xử, Quy chế dân chủ trong trường học (có quy chế phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường; tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả, có kiểm tra, đánh giá tổng kết hàng năm). | Đ | |
| 41 | Thiết lập kênh thông tin nắm bắt, theo dõi tình trạng sức khỏe tâm thần, tâm lý của người học. Có kế hoạch và tổ chức truyền thông về giáo dục sức khỏe tâm thần cho người học. | Đ | |
| 42 | Có không gian riêng để tư vấn tâm lý cho người học; có sổ theo dõi công tác tư vấn tâm lý, được ghi chép đầy đủ và bảo mật theo quy định. | ✓ | Chưa có hồ sơ theo dõi và theo dõi |
| 43 | Thành lập tổ tư vấn tâm lý học đường; cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội được định kỳ tập huấn nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức mới về sức khỏe tâm thần, tâm lý của người học. | Đ | |
| E | Công tác quản lý | | |
| 44 | Có kế hoạch hoạt động theo từng năm và giai đoạn về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích; tổ chức đánh giá và báo cáo theo quy định. | Đ | |
| 45 | Công khai số điện thoại, hộp thư góp ý, các hình thức tiếp nhận thông tin về bạo hành, bạo lực, xâm hại, mất an toàn cho người học tại các vị trí dễ quan sát, tiếp cận. | Đ | |
| 46 | Có kết nối, chia sẻ thông tin giữa nhà trường với gia đình người học về việc bảo đảm an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho người học. | Đ | |

| TT | NỘI DUNG TIÊU CHÍ | ĐÁNH GIÁ | |
|----|---|----------------|------------------------------|
| | | (Đạt/Chưa đạt) | LÝ DO |
| 47 | Có tổ chức các tổ/đội/nhóm/câu lạc bộ để người học chủ động, chủ trì thực hiện một số hoạt động, chuyên đề rèn luyện kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích và hỗ trợ nhau trên đường đi học, tại cộng đồng, gia đình. | Đ | |
| 48 | Có bảng công khai kết quả kiểm tra, đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, được niêm yết tại bảng thông tin chung của nhà trường và trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có). | Đ | |
| 49 | Có phối hợp tổ chức kiểm tra, cảnh báo, ngăn chặn, loại bỏ các nguy cơ gây đuối nước, tai nạn giao thông, bạo lực và một số tai nạn thương tích khác đối với người học tại cộng đồng và phối hợp quản lý người học trong dịp nghỉ hè. | Đ | |
| 50 | Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ các hoạt động xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích đối với người học (có kế hoạch, biên bản, kết quả kiểm tra). | V | Chưa có kế hoạch theo dõi |

Đánh giá:

- Mỗi tiêu chí được đánh giá "Đạt" hoặc "Chưa đạt".
- Tiêu chí bắt buộc (25 tiêu chí được đánh dấu gạch chân): 1, 3, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 22, 25, 29, 31, 32, 34, 35, 37, 39, 44, 45, 48.
- Tổng số tiêu chí được đánh giá đối với nhà trường: 48 (Trẻ Trẻ: 8. Báo cáo từ chối; 17. Đồ dùng TBM/Kit; 20 có (1/5) - Số tiêu chí đánh giá "Đạt": 46. 49 tiêu chí được đánh giá đối với nhà trường = 95.83... %
- Số tiêu chí bắt buộc "Chưa đạt" được đánh giá đối với nhà trường: 1... tiêu chí.
- Kết luận: ...

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG

CÁN BỘ KIỂM TRA

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Châu

Lương Văn Đình

Vũ Thị Châu Hà

¹ Mức "Đạt": Có tối thiểu 80% tiêu chí được đánh giá ở mức "Đạt", trong đó 100% tiêu chí bắt buộc phải được đánh giá mức "Đạt".